

THÔNG BÁO

Ngưỡng đầu vào, quy tắc quy đổi tương đương và quy định về điểm xét tuyển Kì tuyển sinh đại học chính quy năm 2025

Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học, cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Công văn số 339/KTĐGQG-PTCCKTĐG ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy đổi điểm thi V-SAT 2025;

Nhà trường thông báo ngưỡng đầu vào, quy tắc quy đổi tương đương và quy định về điểm xét tuyển Kì tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 như sau:

1. Ngưỡng đầu vào các ngành, chương trình đào tạo

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Ngưỡng đầu vào (thang 30 điểm)
1	7140114	Quản lý giáo dục	17
2	7140201	Giáo dục Mầm non	20
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	21
4	7140205	Giáo dục chính trị	23
5	7140209	Sư phạm Toán học	24.5
6	7140211	Sư phạm Vật lý	24
7	7140212	Sư phạm Hoá học	24
8	7140213	Sư phạm Sinh học	23
9	7140217	Sư phạm Ngữ văn	24
10	7140218	Sư phạm Lịch sử	25
11	7140219	Sư phạm Địa lý	25
12	7140221	Sư phạm Âm nhạc	18
13	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	18
14	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	24
15	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	22

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Ngưỡng đầu vào (thang 30 điểm)
16	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	19
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	22
18	7220201CLC	Ngôn ngữ Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	22
19	7229010	Lịch sử	17
20	7310401	Tâm lý học	18
21	7310501	Địa lý học	17
22	7310601	Quốc tế học	21
23	7310630	Việt Nam học	21
24	7320201	Thông tin - Thư viện	17
25	7340101	Quản trị kinh doanh	18.5
26	7340101CLC	Quản trị kinh doanh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	18.5
27	7340120	Kinh doanh quốc tế	18.5
28	7340201	Tài chính - Ngân hàng	18.5
29	7340301	Kế toán	18.5
30	7340301CLC	Kế toán (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	18.5
31	7340302	Kiểm toán	18.5
32	7340406	Quản trị văn phòng	17
33	7380101	Luật	17
34	7440301	Khoa học môi trường	18
35	7460108	Khoa học dữ liệu	21
36	7460112	Toán ứng dụng	22
37	7480103	Kỹ thuật phần mềm	21
38	7480107	Trí tuệ nhân tạo	22
39	7480201	Công nghệ thông tin	21
40	7480201CLC	Công nghệ thông tin (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	21
41	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	18
42	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	18
43	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	18
44	7520201	Kỹ thuật điện	18
45	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Thiết kế vi mạch)	19
46	7810101	Du lịch	20.5

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Ngưỡng đầu vào (thang 30 điểm)
47	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	18

Lưu ý:

a) Các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên không xét tuyển phương thức sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 và không xét tuyển phương thức sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2025.

b) Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào khi:

+ Đối với phương thức sử dụng kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 (gọi tắt là phương thức THPT): tổng điểm thi 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (THXT) không nhân hệ số cộng với điểm ưu tiên (nếu có) lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đầu vào của ngành đăng ký xét tuyển.

+ Đối với phương thức xét tuyển bằng kết quả Kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 (gọi tắt là phương thức ĐGNL): điểm bài thi đã quy đổi tương đương về thang 30 điểm (theo quy tắc quy đổi tương đương tại mục 2 dưới đây) cộng với điểm ưu tiên (nếu có) lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đầu vào của ngành đăng ký xét tuyển.

+ Đối với phương thức xét tuyển bằng kết quả Kỳ thi V-SAT năm 2025 (gọi tắt là phương thức V-SAT): tổng điểm thi 3 môn trong THXT đã quy về thang 30 (theo quy tắc quy đổi tương đương tại mục 2 dưới đây) không nhân hệ số cộng với điểm ưu tiên (nếu có) lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đầu vào của ngành đăng ký xét tuyển.

c) Đối với các ngành đào tạo giáo viên, nếu thí sinh có môn Tiếng Anh được sử dụng kết quả quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thành điểm xét tuyển theo quy định của Trường, thì *tổng điểm 02 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển + 2/3 điểm ưu tiên (nếu có)* phải đạt tối thiểu từ 2/3 ngưỡng đầu vào năm 2025 các ngành đào tạo giáo viên tương ứng do Bộ GD&ĐT công bố.

d) Đối với các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật, *điểm môn Văn hoặc điểm môn Toán trong THXT + 1/3 điểm ưu tiên (nếu có)*

phải đạt tối thiểu từ 1/3 ngưỡng đầu vào năm 2025 các ngành đào tạo giáo viên tương ứng do Bộ GD&ĐT công bố.

2. Quy tắc quy đổi tương đương

2.1. Quy đổi tương đương giữa các tổ hợp xét tuyển đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT

- Căn cứ Công văn số 4222/BGDDĐT-GDDH ngày 21/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sài Gòn quy định mức chênh lệch điểm giữa các THXT đối với phương thức THPT như sau:

STT	Hàng	Tổ hợp gốc	Mức điểm chênh lệch so với tổ hợp gốc						
			Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4	Cột 5	Cột 6	Cột 7
			A00	A01	B00	C00	C01	D01	D07
1.	Hàng 1	A00		-0.69	-1.21	+2.32	+0.94	-0.68	-1.62
2.	Hàng 2	A01	+0.69		-0.52	+3.01	+1.63	+0.01	-0.93
3.	Hàng 3	B00	+1.21	+0.52		+3.53	+2.15	+0.53	-0.41
4.	Hàng 4	C00	-2.32	-3.01	-3.53		-1.38	-3.00	-3.94
5.	Hàng 5	C01	-0.94	-1.63	-2.15	+1.38		-1.62	-2.56
6.	Hàng 6	D01	+0.68	-0.01	-0.53	+3.0	+1.62		-0.94

- Điểm của tổ hợp thuộc cột m được quy đổi về tổ hợp gốc ứng với hàng n bằng cách trừ mức điểm chênh lệch của cột m và hàng n tương ứng:

Ví dụ: Điểm của tổ hợp A01 là 20 điểm. Điểm quy đổi của tổ hợp A01 về tổ hợp gốc A00 xác định như sau:

+ Bước 1: Xác định tổ hợp cần quy đổi A01 thuộc cột 2, tổ hợp gốc A00 thuộc hàng 1, mức điểm chênh lệch tương ứng của cột 2 so với hàng 1 là - 0,69.

+ Bước 2: Tính điểm của tổ hợp A01 quy đổi về tổ hợp gốc A00:

$$\text{Điểm quy đổi} = 20 - (-0,69) = 20,69$$

- Danh sách tổ hợp gốc tương ứng ngành, chương trình đào tạo được quy định tại Phụ lục đính kèm. Đối với các tổ hợp xét tuyển không có trong bảng quy định trên đây, mức điểm chênh lệch với tổ hợp gốc của ngành xét tuyển là 0 điểm.

2.2. Quy tắc quy đổi tương đương giữa các phương thức

- Trường thực hiện quy đổi điểm thi các môn V-SAT về thang điểm 10, điểm bài thi ĐGNL về thang điểm 30 của phương thức THPT dựa trên bảng bách phân vị tương đương như sau:

+ Quy đổi tương đương điểm thi các môn V-SAT về thang điểm 10 của phương thức THPT: Sử dụng bảng bách phân vị tương đương tại *Phụ lục I về Quy đổi điểm thi V-SAT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo từng môn thi theo Công văn số 339/KTĐGQG-PTCCKTĐG ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

+ Quy đổi tương đương điểm bài thi ĐGNL về thang 30 của phương thức THPT: Sử dụng bảng bách phân vị tương đương của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (bổ sung sau).

- Điểm thi x thuộc vùng $[a, b]$ của phương thức V-SAT hoặc của phương thức ĐGNL được quy về phương thức THPT thành điểm y thuộc vùng $[c, d]$ theo công thức sau:

$$y = c + \left(\frac{x - a}{b - a} \right) \times (d - c)$$

trong đó $[c, d]$ là vùng điểm của phương thức THPT tương ứng với vùng điểm $[a, b]$ trong bảng bách phân vị tương ứng.

3. Quy định về điểm xét tuyển

Gọi:

- ĐTHXT là điểm tổ hợp xét tuyển đã được quy đổi tương đương về phương thức THPT;
- ĐTHGXT là điểm tổ hợp gốc xét tuyển;
- ĐC là điểm cộng;
- ĐƯT là điểm ưu tiên.

3.1. Điểm tổ hợp xét tuyển (ĐTHXT) đã được quy đổi tương đương về phương thức THPT

+ Đối với phương thức V-SAT:

$$\text{ĐTHXT}_{V-SAT} = [(d_1 \times w_1 + d_2 \times w_2 + d_3 \times w_3) / W] \times 3$$

trong đó,

- d_1, d_2, d_3 lần lượt là điểm thi môn 1, môn 2, môn 3 trong tổ hợp xét tuyển (đã được quy về thang điểm 10 theo quy tắc tại mục 2).
- w_1, w_2, w_3 lần lượt là hệ số của môn 1, môn 2, môn 3 trong tổ hợp xét tuyển.
- $W = w_1 + w_2 + w_3$

+ Đối với phương thức ĐGNL:

$$\text{ĐTHXT}_{\text{ĐGNL}} = \text{Điểm thi ĐGNL được quy đổi tương đương về thang 30 theo quy tắc tại mục 2.2}$$

+ Đối với phương thức THPT:

$$\text{ĐTHXT}_{\text{THPT}} = [(d_1 \times w_1 + d_2 \times w_2 + d_3 \times w_3) / W] \times 3$$

trong đó,

- d_1, d_2, d_3 lần lượt là điểm thi môn 1, môn 2, môn 3 trong tổ hợp xét tuyển.
- w_1, w_2, w_3 lần lượt là hệ số của môn 1, môn 2, môn 3 trong tổ hợp xét tuyển.
- $W = w_1 + w_2 + w_3$

3.2. Điểm tổ hợp gốc xét tuyển (ĐTHGXT)

+ Đối với phương thức V-SAT:

$$\text{ĐTHGXT}_{V-SAT} = \text{ĐTHXT}_{V-SAT} \text{ được quy đổi tương đương về tổ hợp gốc theo quy định tại mục 2.1}$$

+ Đối với phương thức ĐGNL:

$$\text{ĐTHGXT}_{\text{ĐGNL}} = \text{ĐTHXT}_{\text{ĐGNL}}$$

+ Đối với phương thức THPT:

$$\text{ĐTHGXT}_{\text{THPT}} = \text{ĐTHXT}_{\text{THPT}} \text{ được quy đổi tương đương về tổ hợp gốc theo quy định tại mục 2.1}$$

3.3. Điểm cộng (ĐC)

- Điểm cộng (ĐC), bao gồm điểm cộng từ kết quả quy đổi chứng chỉ tiếng Anh (theo Thông báo số 440/TB-HĐTS ngày 25/03/2025 của Trường ĐHSG) và điểm cộng từ đạt điều kiện ưu tiên xét tuyển. Tổng điểm cộng của thí sinh không vượt quá 03 điểm theo thang 30.

3.4. Điểm ưu tiên theo từng phương thức

- ĐTHGXT theo từng phương thức là ĐTHGXT_{V-SAT}, ĐTHGXT_{DGNL} hoặc ĐTHGXT_{THPT}.

- Điểm ưu tiên (ĐU'T) theo từng phương thức tương ứng với ĐTHGXT của phương thức đó, bao gồm điểm ưu tiên đối tượng và điểm ưu tiên khu vực theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh, và được xác định như sau:

+ Thí sinh có $(\text{ĐTHGXT} + \text{ĐC}) < 22,5$ điểm:

$$\text{ĐU'T} = \text{MDU'T}$$

với MDU'T là mức điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh.

+ Thí sinh có $(\text{ĐTHGXT} + \text{ĐC}) \geq 22,5$ điểm:

$$\text{ĐU'T} = [(30 - \text{ĐTHXT} - \text{ĐC}) / 7,5] \times \text{MDU'T}$$

3.5. Điểm xét tuyển theo từng phương thức

Điểm xét tuyển (kí hiệu là ĐXT) là căn cứ thực hiện xét tuyển và xác định thí sinh trúng tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo. Điểm xét tuyển tối đa là 30 điểm và được tính như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTHGXT} + \text{ĐC} + \text{ĐU'T}$$

4. Các lưu ý khác đối với thí sinh

4.1. Đối với Phương thức V-SAT

- Thí sinh có đăng kí nộp chứng chỉ tiếng Anh và được xét duyệt hồ sơ hợp lệ (theo Thông báo số 440/TB-HĐTS ngày 25/03/2025) được lấy điểm cao nhất giữa

điểm thi môn tiếng Anh sau khi quy đổi tương đương (thang 10) và điểm chứng chỉ tiếng Anh quy đổi.

- Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển khi:

+ Đã đăng kí nộp kết quả Kỳ thi V-SAT 2025 theo Thông báo số 441/TB-HĐTS ngày 25/3/2025 của Trường Đại học Sài Gòn trên trang web <https://xettuyen.sgu.edu.vn> trước ngày 30/6/2025.

+ Có đủ điểm thi của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của ngành đăng kí nguyện vọng xét tuyển.

+ Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.

4.2. Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào Trường phải thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 16/7/2025 đến 17g00 ngày 28/7/2025, bao gồm các thí sinh đã được xác định đủ điều kiện trúng tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh.

Mọi thắc mắc, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo Trường Đại học Sài Gòn (Phòng C008, 273 An Dương Vương, Phường Chợ Quán, TP.HCM - SĐT: (028) 38352309, (028) 38338975 - Email: tuyensinh@sgu.edu.vn)./.

Nơi nhận:

- BGH; HĐTS;
- Lưu: VP, PĐT, TV.(15).

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**



PHỤ LỤC: QUY ĐỊNH VỀ TỔ HỢP GỐC

(Đính kèm Thông báo số 1029/TB-HĐTS ngày 23/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy Trường Đại học Sài Gòn)

SPT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Tổ hợp gốc
1	7140114	Quản lý giáo dục	D01
2	7140201	Giáo dục Mầm non	M01
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	C01
4	7140205	Giáo dục chính trị	C01
5	7140209	Sư phạm Toán học	A00
6	7140211	Sư phạm Vật lý	A00
7	7140212	Sư phạm Hoá học	A00
8	7140213	Sư phạm Sinh học	B00
9	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C01
10	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00
11	7140219	Sư phạm Địa lý	C00
12	7140221	Sư phạm Âm nhạc	N01
13	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	H00
14	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01
15	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00
16	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	C00
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01
18	7220201CLC	Ngôn ngữ Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	D01
19	7229010	Lịch sử	C00
20	7310401	Tâm lý học	D01
21	7310501	Địa lý học	C00
22	7310601	Quốc tế học	D01
23	7310630	Việt Nam học	D01
24	7320201	Thông tin - Thư viện	C00
25	7340101	Quản trị kinh doanh	D01
26	7340101CLC	Quản trị kinh doanh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	D01
27	7340120	Kinh doanh quốc tế	D01
28	7340201	Tài chính - Ngân hàng	D01



STT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Tổ hợp gốc
29	7340301	Kế toán	D01
30	7340301CLC	Kế toán (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	D01
31	7340302	Kiểm toán	D01
32	7340406	Quản trị văn phòng	D01
33	7380101	Luật	D01
34	7440301	Khoa học môi trường	B00
35	7460108	Khoa học dữ liệu	A00
36	7460112	Toán ứng dụng	A00
37	7480103	Kỹ thuật phần mềm	D01
38	7480107	Trí tuệ nhân tạo	D01
39	7480201	Công nghệ thông tin	D01
40	7480201CLC	Công nghệ thông tin (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	D01
41	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A01
42	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	A01
43	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	B00
44	7520201	Kỹ thuật điện	A01
45	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Thiết kế vi mạch)	A01
46	7810101	Du lịch	D01
47	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	D01



nh